TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI
----&----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------&----------

Bản án số: 38/2018/HSST
Ngày: 20/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Toan và ông Từ Văn An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ T, sinh năm 1989 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 01, phường C, thành phố P, tỉnh GL; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Hạnh, sinh năm 1965 và bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1970; có cH Vi H C, sinh năm 1979 và có 03 người con lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 31/10/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 02, phường C, thành phố P, tỉnh GL. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Hoàng Thị Kim H, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 02, phường C, thành phố P, tỉnh GL. Có mặt.

- Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 01, phường C, thành phố P, tỉnh GL. Vắng mặt.

- Anh Vi Hồng C, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 01, phường C, thành phố P, tỉnh GL. Có mặt.

Người làm chứng: anh Trần Văn T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 07, phường T, thành phố P, tỉnh GL. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định được như sau:

Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Thu H (sinh năm 1974, trú tại Tổ 02, phường Chi Lăng, thành phố P) có mối quan hệ quen biết và làm ăn với nhau. Khoảng 08 giờ 30 phúc ngày 31/10/2017, T điều khiển xe mô tô biển số 81B1-658.27 đến nhà bà H để trả tiền vay cho bà H nhưng thấy cửa khóa không có ai ở nhà nên T gọi điện thoại cho Hoàng Thị Kim H (sinh năm 1997, là con của bà H), một lúc sau thì Hạnh cùng với anh Trần Văn T (là bạn trai của Hạnh) đi về. T vào nhà và giao cho Hạnh số tiền 206.000.000 đồng, gồm 03 cọc tiền (trong đó 01 cọc 35.000.000 đồng; 01 cọc 82.000.000 đồng và 01 cọc 89.000.000 đồng). Hạnh nhận 03 cọc tiền này, rồi cùng với anh T ngồi đếm. Thấy bà H đi vắng, ở nhà chỉ có Hạnh và bạn trai của Hạnh nên T nảy sinh ý định trộm cắp tiền của bà H. Lúc này, T giả vờ đi vệ sinh rồi đi xuống nhà sau mở chốt cửa sắt bên hông và lấy chiếc ghế nhựa màu đỏ chèn vào phía ngoài cửa để cho cửa không bung ra rồi đi lên phòng khách. Sau khi Hạnh đếm đủ tiền rồi đem vào phòng ngủ cất thì T đi về. Khi đi về cách nhà bà H khoảng 50 mét, thấy anh T điều khiển xe mô tô chở Hạnh đi ra khỏi nhà nên T điều khiển xe mô tô quay lại nhà bà H. T dựng xe trước cửa cổng rồi đi men theo đường sát bên hông nhà đến chỗ cửa sắt nhà bà H mà T đã mở chốt cửa trước đó và đẩy cửa đi vào phòng ngủ. Thấy tủ mà chị Hạnh cất tiền trước đó không có khóa mà chỉ khép lại nên T mở cửa ra thì thấy nhiều cọc tiền, trong đó có 03 cọc tiền mà T vừa đưa cho Hạnh. Lúc này, T lấy 01 cọc 89.000.000 đồng; 01 cọc tiền 45 triệu đồng và rút lấy 38.000.000 đồng trong cọc tiền 82.000.000 đồng, bỏ vào túi xách màu đen của T, rồi khép cửa tủ lại. Khi vừa khép tủ lại, T thấy 01 cuốn vở học sinh để trên bàn học sinh sát tủ quần áo, bên trong có cọc tiền nên T rút lấy 15.000.000 đồng trong cục tiền này, bỏ vào túi xách rồi đi theo lối cũ ra lấy xe đi về. Khi về đến nhà, T cất giấu túi xách đựng tiền này vào dưới gầm giường trong phòng ngủ của T tại nhà ông Nguyễn Đức Hạnh (là cha của T) ở Tổ 01, phường Chi Lăng, thành phố P rồi đi làm việc nhà. Khoảng 10 giờ cùng ngày, T lấy 5.000.000 đồng trong số tiền đã chiếm đoạt được, rồi đi đến Ngân hàng Bidv chi nhánh Phố Núi ở đường Nguyễn Tất Thành, phường Hoa Lư, thành phố P gửi vào tài khoản số 62610000377787 để trả nợ cho chị Trần Thị Thanh Thúy (sinh năm 1987, trú tại số nhà 09 đường Lý Tự Trọng, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) mà T đã vay trước đó. Sau đó, T tiếp tục lấy 10.500.000 đồng trong số tiền đã chiếm đoạt, rồi đem đến trả nợ cho chị Nguyễn Thị Nhàn (sinh năm 1994, trú tại Tổ 02, phường Chi Lăng, thành phố P) mà T đã vay của chị Nhàn trước đó. Số tiền còn lại 171.500.000 đồng, T vẫn cất giấu ở vị trí cũ. Khoảng 10 giờ ngày 31/10/2017, chị Hạnh đi chơi về thì phát hiện cửa bên

hông nhà bị mở, kiểm tra tủ quần áo thì phát hiện tiền để trong tủ bị mất nên chị Hạnh đã gọi điện thoại báo cho bà H biết. Khoảng 13 giờ ngày 31/10/2017, anh Lê Đình Chương (sinh năm 1986, trú tại số nhà 62/8 đường Lạc Long Quân, phường Chi Lăng, thành phố P) gửi 17.000.000 đồng nhờ T đem trả nợ cho bà H nên T đến gặp Hoàng Thị Kim H để trả tiền giúp cho anh Chương thì nghe chị Hạnh nói cho T biết việc Hạnh bị mất trộm tiền. T nói với Hạnh là báo Công an và T gọi điện thoại báo Công an phường Chi Lăng đến làm việc. Đến 18 giờ cùng ngày, Công an phường Chi Lăng mời T đến làm việc thì T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, đồng thời giao nộp 3.960.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 xe mô tô nhãn hiệu SH, biển số 81B1-658.27 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã thu giữ dưới gầm giường trong phòng ngủ của Nguyễn Thị T tại nhà ông Nguyễn Đức Hạnh 01 chiếc túi xách da màu đen hiệu HERMES Paris, bên trong có 171.500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 giấy nộp tiền 5.000.000 đồng tại Ngân hàng Bidv chi nhánh Phố Núi, người nhận Trần Thị Thanh Thúy.

Bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị T thống nhất như cáo trạng đã truy tố về hành vi phạm tội của bị cáo.

2. Các vấn đề khác:

Đối với số tiền 171.500.000 đồng, qua điều tra xác định: Đây là tiền mà bị cáo Nguyễn Thị T đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thu H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại cho bị hại. Hiện bà H yêu cầu bị cáo T bồi thường 15.500.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH biển số 81B1-658.27, qua điều tra xác định: Chiếc xe mô tô này là tài sản chung của bị cáo T với cH của mình là anh Vi H C; 3.960.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus và chiếc túi xách da màu đen hiệu HERMES Paris là tài sản riêng của bị cáo T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý sau.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng và 10.500.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Thị T đã trả cho chị Trần Thị Thanh Thúy và chị Nguyễn Thị Nhàn. Sau đó, chị Thúy và chị Nhàn đã sử dụng hết số tiền này vào việc gia đình nên không thu giữ được.

Đối với chị Trần Thị Thanh Thúy là người được bị cáo T gửi vào tài khoản số tiền 5.000.000 đồng để trả nợ và chị Nguyễn Thị Nhàn được T trả nợ 10.500.000 đồng là tiền do bị cáo Nguyễn Thị T trộm cắp mà có. Tuy nhiên, khi nhận số tiền này, chị Thúy và chị Nhàn đều không biết đó là tiền do phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý đối với Trần Thị Thanh Thúy và Nguyễn Thị Nhàn về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 43/CTr-VKS ngày 26/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội "*Trộm cắp tài sản*"

được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 38; Điều 50; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T với mức án từ 42 đến 48 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2017.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

Về dân sự: Người bị hại bà Nguyễn Thị Thu H, yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.500.000đồng. Qúa trình Tòa án thụ lý, mẹ bị cáo T là bà Hoàng Thị Đ đã nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền trên để bồi thường cho bà H. Tại phiên tòa bà H yêu cầu bồi thường cho bà số tiền còn lại là 15.500.000đồng. Vì vậy cần khấu trừ số tiền này để bồi thường cho bà H.

Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH biển số 81B1-658.27, qua điều tra xác định: Chiếc xe mô tô này là tài sản chung của bị cáo T với cH của mình là anh Vi H C, quá trình thực hiện hành vi phạm tội thì anh C không biết nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo và anh Vi H C chiếc xe trên.

Đối với số tiền 3.960.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus và chiếc túi xách da màu đen hiệu HERMES Paris là tài sản riêng của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng và 10.500.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Thị T đã trả cho chị Trần Thị Thanh Thúy và chị Nguyễn Thị Nhàn. Sau đó, chị Thúy và chị Nhàn đã sử dụng hết số tiền này vào việc gia đình, với lại số tiền trên là số tiền thực tế mà bị cáo T nợ chị Thúy và chị Nhàn, mẹ bị cáo T đã nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền trên để bồi thường cho bị hại H, nên không có căn cứ để buộc chị Thúy và chị Nhàn nộp lại số tiền trên.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đang có 3 con nhỏ, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 31/10/2017, tại nhà bà Nguyễn Thị Thu H ở Tổ 02, phường C, thành phố P, tỉnh GL, Nguyễn Thị T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 187.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của bà Nguyễn Thị Thu H. Đến 18 giờ cùng ngày, Nguyễn Thị T ra tự thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

So với tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có mức hình phạt như nhau. Vì vậy cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

Tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; ...

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, bị cáo biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì muốn kiếm tiền một cách bất C nên đã cố tình lén lút chiếm đoạt của bị hại với số tiền 187.000.000 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P quyết định truy tố ra trước Tòa án để xét xử đối với bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo cải tạo bản thân tiến bộ là cần thiết.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ý thức được hành vi của mình và đã tự thú toàn bộ hành vi phạm tội của mình tại Công an phường Chi Lăng; bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 15.500.000đồng vào Chi cục thi hành án dân sự thành phố P để khắc phục hậu quả cho người bị hại; Bị cáo có 3 con còn nhỏ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về dân sự: Tại phiên tòa người bị hại là Nguyễn Thị Thu H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.500.000đồng. Quá trình Tòa án thụ lý vụ án mẹ của bị cáo T là bà Hoàng Thị Đ đã nộp vào Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai số tiền 15.500.000đồng thay cho bị cáo T. Vì vậy cần khấu trừ số tiền này để bồi thường cho bà H.

[5] Về vật chứng vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH biển số 81B1-658.27, qua điều tra xác định: Chiếc xe mô tô này là tài sản chung của bị cáo T với cH của mình là anh Vi H C. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội thì anh C không biết T sử dụng chiếc xe trên để trộm cắp tài sản của bà H, với lại chiếc xe trên là tài sản duy nhất của anh C với bị cáo T. Tại phiên tòa hôm nay anh C yêu cầu được trả lại xe trên. Hội đồng xét xử xét thấy cần hoàn trả xe mô tô nhãn hiệu SH biển số 81B1-658.27cho bị cáo T và anh Vi H C.

Đối với số tiền 3.960.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus và chiếc túi xách da màu đen hiệu HERMES Paris là tài sản riêng của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn và có 3 con nhỏ nên hội đồng xét xử xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với số tiền 5.000.000 đồng và 10.500.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Thị T đã trả cho chị Trần Thị Thanh Thúy và chị Nguyễn Thị Nhàn. Sau đó, chị Thúy và chị Nhàn đã sử dụng hết số tiền này vào việc gia đình, với lại số tiền trên là số tiền thực tế mà bị cáo T nợ chị Thúy và chị Nhàn, mẹ bị cáo T đã nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền trên để bồi thường cho bị hại H, nên không có căn cứ để buộc chị Thúy và chị Nhàn nộp lại số tiền trên.

Khi bị cáo T trả tiền cho chị Thúy và chị Nhàn thì cả hai không biết, đây là tiền bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý đối với Trần Thị Thanh Thúy và Nguyễn Thị Nhàn về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 33 (ba mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2017.

3. Về dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 15.500.000đồng (bà H được nhận số tiền 15.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004725 ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai do Hoàn Thị Đ là mẹ bị cáo T nộp thay).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử:

Hoàn trả lại cho anh Vi Hồng C và bị cáo Nguyễn Thị T 01 (một) xe Hon Da nhãn hiệu SH màu đỏ, biển số 81B1-658.27, số máy JF42E0 10777; số khung 4216DY 107951 (kèm chìa khóa xe; giấy đăng ký mô tô 81B1- 658.27).

Hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 3.960.000 đồng (ba triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng) Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi cục niêm phong vào phong bì số 12 năm 2018 gửi kho bạc; 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 8 Plus, màu trắng (cơ quan thi hành án không kiểm tra tình trạng hoạt động) và 01 chiếc túi xách da màu đen hiệu Hermes Paris.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/3/2018 giữa Công an thành phố P và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 775.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo; người bị hại và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. P;
- UBND phường Yên Đỗ, thành phố P, tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nhàn